

Số: 18/BC-UBND

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 01 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả phân định các xã, thôn (ấp) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc.

Thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025; Và Công văn số 1625/UBND-CSĐT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả phân định vùng dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Tỉnh Vĩnh Long là tỉnh có cơ cấu đa dân tộc, ngoài người Kinh, các dân tộc khác chiếm khoảng 2,7% dân số toàn tỉnh. Trong đó, người Khmer chiếm 2,1%, người Hoa và các dân tộc khác chiếm 0,6%, gồm 19 dân tộc sinh sống. Dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trên 32.385 người, trong đó Dân tộc Khmer 25.896 người (TP. Vĩnh Long 1.159 người; thị xã Bình Minh 5.524 người; huyện Tam Bình 6.839 người; huyện Trà Ôn 9.885 người; huyện Vũng Liêm 1.907 người; huyện Long Hồ 360 người; huyện Mang Thít 382 người và huyện Bình Tân 239 người). Người Hoa 6.489 người (TP. Vĩnh Long 2.798 người; thị xã Bình Minh 1.058 người; huyện Tam Bình 143 người; huyện Trà Ôn 1.198 người; huyện Vũng Liêm 343 người; huyện Long Hồ 265 người; huyện Mang Thít 469 người và huyện Bình Tân 215 người), các dân tộc khác 226 người. Các dân tộc thiểu số sinh sống đan xen ở 08 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

#### **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC XÃ, THÔN (ẤP) THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:**

Theo Điều 2, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung đối tượng áp dụng có tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên. Qua kiểm tra, rà soát:

- Số xã thuộc vùng dân tộc thiểu số có 05 xã, gồm: Xã Đông Bình và xã Đông Thành (thị xã Bình Minh); xã Loan Mỹ (huyện Tam Bình); xã Tân Mỹ và xã Trà Côn (huyện Trà Ôn).

- Số thôn (ấp) thuộc vùng dân tộc thiểu số: có 24 thôn (ấp) gồm:

+ Thị xã Bình Minh có 06 thôn (ấp) gồm: Phù Ly 1 và Phù Ly 2 (Đông Bình); ấp Đông Hòa 2, ấp Hóa Thành 1 và ấp Hóa Thành 2 (xã Đông Thành); ấp Thuận Tân A (xã Thuận An).

+ Huyện Tam Bình có 08 thôn (ấp) gồm ấp Giữa, Cần Súc, Kỳ Sơn, Tổng Hưng, Sóc Rừng, Đại Thọ, Đại Nghĩa và Thông Nguyên (xã Loan Mỹ).

+ Huyện Trà Ôn có 10 thôn (ấp) gồm: Cần Thay, Mỹ Thuận, Trà Mòn, Sóc Ruộng, Gia Kiệt, Mỹ Định (xã Tân Mỹ); ấp Ngãi Lộ A, ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B (xã Trà Côn) và ấp Mỹ Trung (xã Thiện Mỹ).

### **III. KẾT QUẢ PHÂN ĐỊNH CÁC XÃ THUỘC KHU VỰC I, II, III VÀ THÔN (ẤP) ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **a) Phân định xã thuộc khu vực I, II và III theo trình độ phát triển**

1. Xã thuộc khu vực I (xã bước đầu phát triển): Có 03 xã gồm:
  - Xã Đông Bình và Đông Thành (thị xã Bình Minh).
  - Xã Loan Mỹ (huyện Tam Bình).
2. Xã thuộc khu vực II (xã còn khó khăn): Không có xã thuộc khu vực II.
3. Xã thuộc khu vực III (xã đặc biệt khó khăn): Có 02 xã gồm Tân Mỹ và Trà Côn (huyện Trà Ôn).

*(Đính kèm biểu mẫu số 01)*

#### **b) Phân định thôn (ấp) đặc biệt khó khăn: Có 04 thôn (ấp) đặc biệt khó khăn gồm:**

- Ấp Phù Ly 1, Phù Ly 2 (xã Đông Bình) và ấp Hóa Thành 2 (xã Đông Thành) thuộc thị xã Bình Minh.
- Ấp Giữa (xã Loan Mỹ) thuộc huyện Tam Bình.

*(Đính kèm Biểu mẫu số 02)*

Trên đây là kết quả phân định các xã và thôn (ấp) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ DDP (UBDT);
- TT.TU & HỖND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Ban TCDNC, Phòng VHXX;
- Lưu: VT, 2.18.03.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**DANH SÁCH CÁC XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm Báo cáo số: 18/BC-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

TT	TỈNH, HUYỆN, XÃ	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo				Thuộc khu vực	Ghi chú
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	ĐK4		
1	2	3	4	5	6	$7=6:5 \times 100$	8	$9=8:5 \times 100$	10	$11=10:8 \times 100$	12	13	14	15	16	17
	<b>TỈNH VĨNH LONG</b>	<b>109</b>	<b>752</b>	<b>292.320</b>	<b>5.775</b>	<b>1,97</b>	<b>5.158</b>	<b>1,76</b>	<b>968</b>	<b>18,76</b>						
<b>I</b>	<b>Thị xã Bình Minh</b>	<b>05</b>	<b>41</b>	<b>24.208</b>	<b>1.911</b>	<b>7,89</b>	<b>360</b>	<b>1,49</b>	<b>159</b>	<b>44,16</b>						
01	Xã Đông Bình		5	2.131	620	29	110	5,2	83	75,5					I	NTM
02	Xã Đông Thành		7	2.735	616	22,5	219	8,01	66	30,14					I	NTM
<b>II</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>	<b>16</b>	<b>128</b>	<b>41.195</b>	<b>1.712</b>	<b>4,15</b>	<b>691</b>	<b>1,68</b>	<b>154</b>	<b>22,29</b>						
01	Xã Loan Mỹ		12	3.331	1.430	42,93	211	6,33	141	66,8					I	
<b>III</b>	<b>Huyện Trà Ôn</b>	<b>14</b>	<b>90</b>	<b>12.378</b>	<b>2.410</b>	<b>19,47</b>	<b>876</b>	<b>7,00</b>	<b>493</b>	<b>56,2</b>						
01	Xã Tân Mỹ		8	3.031	1.354	44,67	366	12,07	226	72,67	X				III	
02	Xã Trà Côn		7	3.186	789	24,76	431	13,3	260	60,3	X				III	

**DANH SÁCH CÁC THÔN (ẤP) ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**  
**THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm Báo cáo số: 18/BC-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo			ẤP thuộc diện ĐBK	Xã thuộc khu vực
		Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3		
1	2	3	4	$\frac{5=4:3}{X100}$	6	$\frac{7=6:3}{X100}$	8	$\frac{9=8:6}{X100}$	10	11	12	13	14
	<b>TỈNH VĨNH LONG</b>	<b>292.320</b>	<b>5.775</b>	<b>1,97</b>	<b>5.158</b>	<b>1,76</b>	<b>968</b>	<b>18,76</b>					
<b>I</b>	<b>Thị xã Bình Minh</b>	<b>24.208</b>	<b>1.911</b>	<b>7,89</b>	<b>360</b>	<b>1,49</b>	<b>159</b>	<b>44,16</b>					
<b>1</b>	<b>Xã Đông Bình</b>	<b>2.131</b>	<b>620</b>	<b>29</b>	<b>110</b>	<b>5,2</b>	<b>83</b>	<b>75,5</b>					
01	ẤP Phù Ly 1	320	285	89	39	12,2	39	100	X			X	I
02	ẤP Phù Ly 2	454	320	70	55	12,1	33	60	X			X	I
<b>2</b>	<b>Xã Đông Thành</b>	<b>2.735</b>	<b>616</b>	<b>22,5</b>	<b>219</b>	<b>8,01</b>	<b>66</b>	<b>30,14</b>					
01	ẤP Hóa Thành 2	324	84	25,5	38	11,73	32	84,21	X			X	I
<b>II</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>	<b>41.195</b>	<b>1.712</b>	<b>4,15</b>	<b>691</b>	<b>1,68</b>	<b>154</b>	<b>22,29</b>					
<b>1</b>	<b>Xã Loan Mỹ</b>	<b>3.331</b>	<b>1.430</b>	<b>42,93</b>	<b>211</b>	<b>6,33</b>	<b>141</b>	<b>66,8</b>					
01	ẤP Giữa	378	313	82,80	38	10,05	35	92,11	X			X	I